TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **392**/2019/QĐST-HNGĐ	*Bắc Từ Liêm, ngày 18 tháng 10 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào các điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 197/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc ly hôn, gồm những đương sự sau đây:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977;

Bị đơn: Ông Dương Văn Q, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường X, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 10/10/2019, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận các vấn đề sau:

1. Về tình cảm: Ông Dương Văn Q và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Ông Q và bà T có hai con chung là Dương Văn N, sinh ngày 30/11/1994, đã trưởng thành và Dương Thị Ng, sinh ngày 18/5/2003. Bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng. Ông bà tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Q có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tài sản chung của ông Q, bà T là quyền sử dụng diện tích 143,6m^2 đất tại thửa đất số 102, tờ bản đồ số 41, phường X, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 692197 do UBND quận Bắc Từ Liêm cấp ngày 31/12/2014 cho ông Dương Văn Q và bà Nguyễn Thị T và các tài sản gắn liền với đất có tổng giá là 4.501.000.000 đồng. Ông Q được hưởng số tiền 3.201.000.000 đồng, bà T được hưởng số tiền 1.300.000.000 đồng. Ông Q có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền 1.300.000.000 đồng vào ngày 18/10/2019. Ông Q có toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích 143,6m^2 đất tại thửa đất số 102, tờ bản đồ số 41, phường X, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 692197 nêu trên và sở hữu các tài sản trên đất có giá trị 4.501.000.000 đồng.

4. Về nợ chung : Ông bà tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông Q có nghĩa vụ nộp 39.938.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà T có nghĩa vụ nộp 16.312.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Văn Q và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn

1.2. Về con chung: Ông Q và bà T có hai con chung là Dương Văn N, sinh ngày 30/11/1994, đã trưởng thành và Dương Thị Ng, sinh ngày 18/5/2003. Bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng. Ông Q có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về tài sản chung: Tài sản chung của ông Q, bà T là quyền sử dụng diện tích 143,6m^2 đất tại thửa đất số 102, tờ bản đồ số 41, phường X, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 692197 do UBND quận Bắc Từ Liêm cấp ngày 31/12/2014 cho ông Dương Văn Q và bà Nguyễn Thị T và các tài sản gắn liền với đất có tổng giá là 4.501.000.000 đồng. Ông Q được hưởng số tiền 3.201.000.000 đồng, bà T được hưởng số tiền 1.300.000.000 đồng. Ông Q có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền 1.300.000.000 đồng vào ngày 18/10/2019. Ông Q có toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích 143,6m^2 đất tại thửa đất số 102, tờ bản đồ số 41, phường X, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 692197 nêu trên và sở hữu các tài sản trên đất có giá trị 4.501.000.000 đồng.

1.5. Về nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.6. Về các vấn đề khác: Không

1.7. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông Dương Văn Q có nghĩa vụ nộp 39.938.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ nộp 16.312.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà T đã nộp 57.300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu án phí số AB/2015/0002716 ngày 09/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm. Bà T được hoàn trả lại số tiền 40.837.500 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q. Bắc Từ Liêm;
- UBND phường X (Số 60 ngày 27/10/1995)
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN